TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Cương

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Quang Vinh

Ông Nguyễn Hoàng Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 20/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965.

- *Bị đơn:* Bà Từ Thị Cà S, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã M, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông B có mặt, bà Từ Thị Cà S có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn B và bà Từ Thị Cà S cưới nhau năm 1978 và sống chung đến năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống, tình cảm vợ chồng ông bà vẫn hạnh phúc. Đến năm 2019 thì ông bà xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, ông bà có cãi vã nhau làm cho không khí gia đình căng thẳng. Ông và bà đã ly thân từ năm

2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm đã không còn, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Từ Thị Cà S.

- Về con chung: Ông và bà có 06 người con chung tên là Nguyễn Thị M, sinh năm 1981, Nguyễn Thị T, sinh năm 1983, Nguyễn Văn G, sinh năm 1985, Nguyễn Văn H, sinh năm 1987, Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990, Nguyễn Thị P, sinh năm 1993. Các con đã thành niên nên ông không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn B có đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1978 và đã có 06 người con chung như ông B trình bày. Bà không đồng ý ly hôn với ông B vì mâu thuẫn cũng không lớn đến nỗi phải ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Từ Thị Cà S, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp X, xã M, huyện B, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn B và bà Từ Thị Cà S tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 1978 đến nay nên đây là hôn nhân thực tế theo Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình. Nay ông B yêu cầu ly hôn với bà Cà S nên đây là vụ án ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4] Bà Cà S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà là đứng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp xác định ông Nguyễn Văn B và bà Từ Thị Cà S tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau từ năm 1978 đến năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian sống chung hơn 40 năm ông và bà đã có 06 người con chung, ông vẫn cảm thấy cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2019. Quá trình chung sống, ông bà có phát sinh mâu thuẫn nhưng không có gì trầm trọng đến mức như vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được mà chỉ là cãi vã qua lại. Nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn B.

[2.2] Về con chung: Các con đã thành niên nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bị đơn không phải chị án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh ông Nguyễn Văn B với bà Từ Thị Cà S.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016151 ngày 27/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Ông Nguyễn Văn B đã nộp đủ.

Bà Từ Thị Cà S không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Ông Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/3/2023). Bà Từ Thị Cà S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Cương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Ngô Văn Khon – Phạm Văn Liệt	**Nguyễn Văn Cương**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**